

DIỄN GIẢI CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ

CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp 2014;
- Luật chứng khoán 2006;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Nghị định hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng.
- Điều lệ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên nămthông qua ngày/..../.....

SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ

1. Quy chế quản trị hiện tại của Công ty đã được xây dựng theo Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhưng có nhiều nội dung bị trùng lặp với Điều lệ, chưa bám sát với những nội dung cần xây dựng quy chế, quy định tại Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Do vậy, việc xây dựng sửa đổi lại Quy chế quản trị của công ty là cần thiết và để phù hợp với Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC.
2. Đối chiếu với Luật Doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP, cũng như Thông 95/2017/TT-BTC có một số điểm của quy chế quản trị sẽ không còn phù hợp. Bởi vậy, Công ty cần phải sửa đổi cho phù hợp với quy định hiện hành. Nội dung chính cần sửa đổi được quy định dưới đây.
3. Trong quá trình sửa đổi Quy chế này, đồng thời để phù hợp với quy định của Điều lệ mẫu – Thông tư 95/2017/TT-BTC về các nội dung chính trong Quy chế quản trị công ty đại chúng. Chúng tôi đã sửa đổi toàn bộ nội dung từ Chương II, chương III và Chương IV của bản Quy chế quản trị cũ do đó, tên Điều –khoản và tên tiêu đề của các Chương nêu trên có sự thay đổi, từ Điều 3 đến Điều trong của Quy chế cũ. Đồng thời, Luật Đại Hà đã

bỏ Điều 18-Điều 19- Điều 20- Điều 21 và Điều 22 trong Nội dung Quy chế cũ, nội dung thay thế, Quý công ty tham khảo từ Điều 3 đến Điều 17, bản Quy chế quản trị sửa đổi.

4. Ngoài ra, các nội dung từ Điều 23 đến Điều 49- Quy chế quản trị cũ, Chúng tôi chỉ sửa đổi nội dung cho phù hợp với nội dung của Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC, chi tiết nội dung sửa đổi theo bảng thống kê dưới đây:

NHỮNG NỘI DUNG CẦN SỬA ĐỔI CỦA QUY CHẾ

STT	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung dự định sửa	Lý do sửa
Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG			
Điều 1	1/ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua ngày 25/4/2013. 2/ Quy chế này quy định cụ thể các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty liên quan đến cơ cấu tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều	Điều 1 1/ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. 2/ Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. 3/ Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 09 năm 2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. 4/ Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn và	Sửa để phù hợp với nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung mới

	hành cũng như mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của công ty. (Kiểm soát viên)	Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên nămthông qua ngày/..../..... 5/ Quy chế này quy định cụ thể các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty liên quan đến cơ cấu tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Doanh nghiệp cũng như mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành Doanh nghiệp và các cán bộ quản lý của công ty.	
Điều 2	5/ Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát Công ty: Gồm các chủ thể sau: - a/ Đại hội đồng cổ đông. - b/ Hội đồng quản trị. - c/ Giám đốc và Ban điều hành. - d/ Ban kiểm soát.	Điều 2: Giải thích thuật ngữ Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1/ Quản trị công ty là hệ thống các quy tắc đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến công ty.	Giải thích thuật ngữ cho phù hợp với nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

		2/ Công ty được hiểu là Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng CCIC Hà Nội. 3/ Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty. 4/ Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, cấp trưởng các đơn vị - Phòng- ban. 5/ Người điều hành Doanh nghiệp là Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cấp trưởng các đơn vị - phòng- ban. 6/ Cán bộ quản lý Công ty là những người Quản lý Doanh nghiệp và Điều hành Doanh nghiệp 7/ "Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: a) Công ty mẹ, người quản lý	
--	--	--	--

		công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; d) Người quản lý doanh nghiệp; đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1.9 Điều 1 của Điều lệ công ty; g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản 1.9 Điều 1 của Điều lệ công ty; có sở hữu đến	
--	--	---	--

		mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó; h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty. 8/ Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát Công ty gồm các chủ thể sau: a) Đại hội đồng cổ đông. b) Hội đồng quản trị. c) Giám đốc và người điều hành Doanh nghiệp khác. d) Ban kiểm soát. 9/ Điều lệ Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội cổ đông thông qua. 7/ Pháp luật là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.	
	CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
	Sửa đổi toàn bộ nội dung tiêu đề của Chương II thành: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
Điều 3	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	Điều 3 Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu	Sửa đổi theo các tiêu đề ghi nhận tại Mục 1- Quy chế quản trị

		quyết tại Đại hội đồng cổ đông	mẫu- Thông tư 95/2017/TT-BTC
Điều 4	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 4 Nội dung công việc thực hiện trước khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi toàn bộ nội dung để phù hợp với quy định tại Khoản 7- Điều 136 – Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 5	Chương trình và nội dung họp ĐHĐCĐ	Điều 5 Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi toàn bộ nội dung để phù hợp với quy định tại Điều 137- Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 6	Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ	Điều 6 Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi toàn bộ nội dung để phù hợp với quy định tại Điều 139- Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 7	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	Điều 7 Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi để phù hợp với nội dung Điều 24- Điều lệ sửa đổi và Điều 20- Điều lệ mẫu, thông tư 95/2017/TT-BTC
Điều 8	Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ	Điều 8 Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	Sửa đổi để phù hợp với nội dung Điều 25- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 9	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 9 Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp)	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 129- Luật Doanh nghiệp 2014 và Khoản 4- Điều 27- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 10	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 2/ Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.	Điều 10 Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 3/ Biên bản họp Đại hội đồng cổ	Sửa đổi để phù hợp với nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 154- Luật Doanh nghiệp 2014 và Khoản 2- Điều 16- Nghị định

	3/ Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty	đồng phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. 4/ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5/ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty	71/2017/NĐ-CP.
Điều 11	Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 11 Công bố nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 30- Nghị định 71/2017/NĐ-CP
Điều 12	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.	Điều 12 Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 22- Điều lệ mẫu, thông tư 95/2017/TT-BTC

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Sửa đổi toàn bộ nội dung Chương III theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung			
Điều 13	Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.	Điều 13 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung, sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 151- Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 30- bản dự thảo Điều lệ sửa đổi
Điều 14	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Sửa để phù hợp với quy định tại Điều 11-Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Khoản 3- Điều 17- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 15	Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi để phù hợp với nội dung Điều 29- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 16	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 16 Cuộc họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi để phù hợp với: - Điều 153- Luật Doanh nghiệp 2014 - Điều 16- Nghị định 71/2017/NĐ-CP - Điều 33- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 17	Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 17 Biên bản và nghị quyết họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi để phù hợp với: - Khoản 13- Khoản 14- Điều 33- Điều lệ sửa đổi, bổ sung - Khoản 2- Khoản 3- Điều 154- Luật Doanh nghiệp 2014
Điều 18	Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông	Xóa bỏ 05 Điều này	Xóa bỏ để phù hợp với các chỉ tiêu ghi nhận tại Mục 1-các nội dung trong quy chế nội bộ công ty đại chúng- Quy chế mẫu, thông tư 95/2017/TT-BTC
Điều 19	Biên bản và nghị quyết họp Hội đồng quản trị		
Điều 20	Quyền được cấp thông tin của		

	thành viên Hội đồng quản trị		
Điều 21	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị		
Điều 22	Thù lao Hội đồng quản trị		
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT			
Sửa đổi, thay thế toàn bộ nội dung Chương IV về Ban Kiểm Soát			
Điều 23	Số lượng, nhiệm kỳ thành viên Ban kiểm soát	Điều 18 Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	Sửa đổi để phù hợp với: - Điều 164- Luật Doanh nghiệp - Khoản 5- Điều 39- Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
Điều 24	Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	Điều 19 Ứng cử và bầu Kiểm soát viên	Sửa đổi để phù hợp với - Điều 19- Nghị định 71/2017/NĐ-CP - Khoản 3- Điều 17- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 25	Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 20 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Sửa đổi để phù hợp với - Điều 165- Luật Doanh nghiệp - Khoản 7- Khoản 8- Điều 39- Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
Điều 26	Trách nhiệm của Kiểm soát viên	Điều 21 Cuộc họp của Ban Kiểm soát	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 23-Nghị định 71/2017/NĐ-CP
Điều 27	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 22 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Không sửa đổi nội dung, giữ nguyên nội dung Quy chế cũ
Điều 28	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.	Sửa đổi và thay thế theo quy định mới	Gộp chung quy định thành Điều 20- Quy chế sửa đổi
Điều 29	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên		

Điều 30	Thù lao thành viên Ban kiểm soát		
CHƯƠNG V BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY Sửa đổi, thay thế tiêu đề Chương V thành: BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY			
Điều 31	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty	Điều 23 Người điều hành Doanh nghiệp	Sửa đổi để phù hợp với: - Khoản 5- Điều 2- Nghị định 71/2017/NĐ-CP về khái niệm người điều hành Doanh nghiệp - Điều 47- Điều lệ sửa đổi, bổ sung - Khoản 2- Điều 19- Điều lệ sửa đổi, bổ sung
Điều 32	Giám đốc công ty	Điều 24 Thay đổi tên tiêu đề: “ Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty” thành: “Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty”	Nội dung không sửa đổi, giữ nguyên theo nội dung Điều 31- Quy chế quản trị cũ.
Điều 33	Các phó giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty	Điều 25 Giám đốc công ty 1/ Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.	1. Nội dung giống với nội dung Điều 32 (Giám đốc công ty) trong Quy chế quản trị cũ, chỉ sửa đổi nội dung Khoản 1 3. Xóa bỏ nội dung Khoản 3- Điều 32- Quy chế quản trị cũ của Công ty
Điều 34	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm	Điều 26	Giữ lại nội dung điểm d- điểm e-

	cán bộ quản lý công ty	Ủy quyền, ủy nhiệm	Khoản 1- Điều 33- Quy chế quản trị cũ
		Điều 27 Các phó giám đốc và cán bộ điều hành khác của công ty	Nội dung giữ nguyên theo Điều 33- Quy chế quản trị cũ về: “Các phó Giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty”, chỉ thay đổi: “ Cán bộ quản lý” thành “ Cán bộ điều hành”
		Điều 28 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ điều hành công ty	Nội dung giữ nguyên theo Điều 34- Quy chế quản trị cũ về: “Các phó Giám đốc và cán bộ quản lý khác của công ty”, chỉ thay đổi: “ Cán bộ quản lý” thành “ Cán bộ điều hành”
CHƯƠNG VI TRÁCH NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN			
Điều 35	Trách nhiệm người quản lý công ty	Điều 29 Trách nhiệm của cán bộ quản lý công ty Không sửa đổi	
Điều 36	Công khai các lợi ích liên quan	Điều 30 Công khai các lợi ích liên quan Không sửa đổi	
CHƯƠNG VII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG- KỶ LUẬT			
Điều 37	Đánh giá hoạt động	Điều 31 Đánh giá hoạt động Không sửa đổi	
Điều 38	Khen thưởng	Điều 32 Khen thưởng	

		Không sửa đổi	
Điều 39	Kỷ luật	Điều 33 Không sửa đổi	
CHƯƠNG VIII QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Điều 40	Quan hệ với Đại hội đồng cổ đông	Điều 34 Không sửa đổi	
Điều 41	Quan hệ làm việc với các cổ đông 5/ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông nhằm duy trì và giữ mối quan hệ tốt đẹp với cổ đông	Điều 35 5/ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông nhằm duy trì và giữ mối quan hệ tốt đẹp với cổ đông	Bổ sung nội dung Giám đốc công ty để phân biệt rõ mối quan hệ của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ
Điều 42	Quan hệ làm việc với Ban Giám đốc công ty 1/ Ban Giám đốc Công ty xây dựng quy chế hoạt động bằng văn bản, phân chia trách nhiệm, quyền hạn điều hành hoạt động SXKD. Quy chế làm việc của Ban Giám đốc phải được ban hành đến các cấp liên quan biết để thực hiện công việc. Ban Giám đốc dưới sự lãnh đạo của Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành mọi mặt công tác hàng ngày ở	Điều 36 Quan hệ làm việc với Ban Giám đốc công ty 1/ Giám đốc Công ty xây dựng quy chế hoạt động bằng văn bản, phân chia trách nhiệm, quyền hạn điều hành hoạt động SXKD. Quy chế làm việc của Giám đốc phải được ban hành đến các cấp liên quan biết để thực hiện công việc. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về điều hành mọi mặt công tác hàng ngày ở công ty. 4/ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội	Sửa đổi : “Ban điều hành” thành “ Người quản lý Doanh nghiệp” để phù hợp với nội dung Điều lệ sửa đổi mới và Khoản 18-Điều 4-Luật Doanh nghiệp 2014

	công ty. 4/ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi công việc với Giám đốc, Ban điều hành trên quan điểm phối hợp giải quyết, tôn trọng quyền chủ động của Giám đốc, Ban điều hành	đồng quản trị thường xuyên trao đổi công việc với Giám đốc, người quản lý Doanh nghiệp khác trên quan điểm phối hợp giải quyết, tôn trọng quyền chủ động của Giám đốc, Hội đồng quản trị	
Điều 43	Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát	Điều 37 Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát Không sửa đổi	
CHƯƠNG IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN			
Điều 44	Nghĩa vụ công bố thông tin 1/ Công ty đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, chính xác, định kỳ theo yêu cầu pháp luật và Điều lệ công ty.	Điều 38 Nghĩa vụ công bố thông tin 1/ Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan. Bổ sung thêm nội dung Mục 2 và Mục 3, như sau: 2/ Công ty đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, chính xác, định kỳ các nội dung sau: a) Điều lệ công ty; b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc công ty;	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 171- Luật Doanh nghiệp 2014

		c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 3/ Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.	
Điều 45	Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty	Điều 39 Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty Không sửa đổi	
Điều 46	Tổ chức công bố thông tin	Điều 40 Tổ chức công bố thông tin Không sửa đổi	
CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH			
Điều 47	Xử lý vi phạm	Điều 41 Xử lý vi phạm Không sửa đổi	

Điều 48	Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này căn cứ đề nghị của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc công ty hoặc có sự điều chỉnh của pháp luật về những nội dung có liên quan đến các quy định trong quy chế này	Điều 42 Thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, sửa đổi, bổ sung, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7- Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều 27- Điều 27- Điều lệ mẫu- Thông tư 95/2017/TT- BTC
Điều 49	Hiệu lực thi hành 1/ Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành Quy chế.	Điều 43 Hiệu lực thi hành 1/ Quy chế này được sửa đổi, bổ sung ngày....tháng.... năm..... có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua và Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định phê duyệt Quy chế sửa đổi, bổ sung	Để trống ngày,tháng,năm để phù hợp với thời điểm HĐQT thông qua